

Số:39/2023/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 10 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đối với các dự án theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;
Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;
Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính (tại Tờ trình số 1598/TTr-STC ngày 15 tháng 6 năm 2023 và Văn bản số 1787/STC-TCĐT ngày 29 tháng 6 năm 2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đối với dự án có kỹ thuật không phức tạp và có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng, thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc sử dụng, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ đối với dự án có kỹ thuật không phức tạp và tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng, thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện

Đảm bảo đáp ứng các tiêu chí sau đây

1. Thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành tại Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 Ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng.

3. Do cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp từ công trình, có đủ năng lực quản lý và tổ chức thi công.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả theo đúng quy định về quản lý đầu tư công và ngân sách Nhà nước của pháp luật hiện hành, quy định của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP và quy định tại Quyết định này.

2. Các dự án được tổ chức thực hiện theo cơ chế đặc thù giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó có sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước thì phần vốn ngân sách nhà nước của Dự án thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

3. Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng, việc thanh toán căn cứ vào hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định cụ thể trong hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng theo quy định hiện hành.

Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng, việc thanh toán trên căn cứ bảng xác định giá trị công việc hoàn thành. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán chi phí thực hiện công việc được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc.

4. Cơ quan kiểm soát, thanh toán có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ, đúng quy định cho dự án khi có đủ điều kiện thanh toán, đủ hồ sơ thanh toán theo quy định.

5. Thanh toán vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng phải trên cơ sở kết quả nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

Điều 5. Quản lý, thanh toán vốn đầu tư

1. Việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Chương II Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

2. Mở tài khoản, cấp mã số (nếu chưa có).

a) Mở tài khoản thanh toán.

Chủ đầu tư mở tài khoản thanh toán vốn đầu tư tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn theo quy định tại Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

b) Mở mã dự án.

Chủ đầu tư mở mã số dự án theo quy định tại Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách.”.

3. Hồ sơ kiểm soát, thanh toán vốn.

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

4. Tạm ứng vốn.

a) Mức vốn tạm ứng: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

b) Hồ sơ tạm ứng vốn: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

c) Thu hồi vốn tạm ứng: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

5. Thanh toán khối lượng hoàn thành.

a) Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

b) Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

6. Chi phí quản lý dự án.

a) Hồ sơ pháp lý (gửi một lần vào đầu năm hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung): Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

b) Hồ sơ tạm ứng vốn, hồ sơ thanh toán: Thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 7 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

Điều 6. Quyết toán vốn đầu tư

1. Quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước theo niên độ ngân sách.

Quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước theo niên độ ngân sách thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP, Thông tư số 96/2021/TT-BTC và quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quản lý; trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo

thẩm định quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

a) Các dự án giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên khi hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng phải lập báo cáo quyết toán và được thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định, trong đó:

Đối với phần vốn đầu tư hỗ trợ bằng tiền: Giá trị quyết toán của từng loại công việc bằng khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu theo quy định nhân (x) với đơn giá, định mức theo quy định.

Đối với phần vốn đầu tư hỗ trợ bằng hiện vật: Thực hiện quyết toán theo giá trị hiện vật thực tế (hồ sơ, chứng từ thực tế thực hiện) trong giá trị công trình được nghiệm thu theo quy định.

b) Các nội dung khác liên quan đến vấn đề quyết toán như thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung thẩm tra, định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, mẫu biểu quyết toán dự án hoàn thành, chế độ báo cáo và kiểm tra được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP, Thông tư số 96/2021/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan

1. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư trung hạn và hằng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng quy định.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch.

a) Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành liên quan trong tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo kinh phí từ ngân sách tỉnh theo quy định hiện hành; Kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng và quyết toán vốn đầu tư.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện phân bổ kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư do cấp huyện quản lý theo quy định; Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn hàng năm theo quy định; Thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành (trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị).

3. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện: Kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ cho dự án khi đã có đủ điều kiện và đúng thời gian quy định của pháp luật hiện hành và Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ; đôn đốc chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng; thực hiện chế độ thông tin báo cáo và quyết toán vốn đầu tư theo quy định.

4. Trách nhiệm của Ban Dân tộc, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và PTNT căn cứ chức năng, nhiệm vụ để phối hợp tổ chức thực hiện.

5. Trách nhiệm UBND huyện, thị xã, thành phố:

a) Thực hiện phân bổ và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư do cấp huyện quản lý; giao nhiệm vụ, chỉ đạo cơ quan chuyên môn tổ chức thẩm định Hồ sơ xây dựng

công trình, Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành trong trường hợp UBND cấp xã đề nghị; thực hiện quy định chế độ thông tin báo cáo.

b) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện tại cấp xã.

6. Trách nhiệm của UBND cấp xã.

a) Chỉ đạo việc triển khai thực hiện các dự án giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình trên địa bàn xã theo cơ chế đặc thù; huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã tham gia thực hiện xây dựng công trình.

b) Tổ chức thẩm định, phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản; Thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ năng lực thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình, thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho cơ quan chuyên môn tổ chức thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình và giao Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành.

c) Thực hiện quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng, an toàn lao động, môi trường xây dựng, chi phí quản lý đầu tư xây dựng công trình.

d) Giao cho Ban phát triển thôn trực tiếp quản lý vận hành công trình xây dựng.

đ) Quyết định kế hoạch bảo trì và giao cho cộng đồng dân cư thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

7. Trách nhiệm của Ban quản lý xã:

a) Ban quản lý xã trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản tại cơ quan Kho bạc Nhà nước và sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân xã trong hoạt động giao dịch với các tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

b) Chịu trách nhiệm giúp UBND cấp xã quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; ký hợp đồng với Ban phát triển thôn để tổ chức thi công công trình, giám sát trong quá trình thi công, tổ chức nghiệm thu công trình; tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức huy động sự đóng góp của nhân dân để thi công công trình. Tổng hợp theo dõi chi tiết các khoản nhân dân đóng góp xây dựng công trình.

c) Xây dựng kế hoạch bảo trì công trình xây dựng.

8. Trách nhiệm của Ban phát triển thôn.

a) Lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định và phê duyệt. Trường hợp gặp khó khăn trong lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản, Ban phát triển thôn có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản.

b) Tổ chức thi công công trình, phối hợp với Ban quản lý xã thực hiện giám sát và nghiệm thu công trình.

c) Trực tiếp quản lý vận hành khai thác công trình xây dựng.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2023.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân

các xã, phường, thị trấn và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Trong trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Các nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; Nghị định số 99/2021/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hiện hành.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tấn Hồ